TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐL** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **89**/2021/HN&GĐ-ST
Ngày: 30-8-2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

2/ Bà Nguyễn Thị Mến.

Thư ký phiên toà: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2021/TLST-HN&GĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐXXST-HN&GĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐST-HN&GĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: Ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện TP, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Số nhà 402, đường Mê Pu – Đa Kai, thôn 7, xã SN, huyện ĐL, tỉnh BT.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Hương L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Tân Phú; sau khi kết hôn thì chị L và anh H chung sống có lúc tại nhà cha mẹ chị L, có lúc tại nhà cha mẹ anh H; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh H chịu đi làm (mặc dù có người gọi đi làm) để lo cho vợ con, chị L có nói thì anh H đánh đập, xúc phạm chị L; có lúc anh H còn sử dụng ma túy bị Công an xã

Phú Bình bắt và xử phạt; chị L nhiều lần khuyên ngăn mà anh H không thay đổi, hiện tại thì chị L và anh H đã không còn chung sống như vợ chồng, anh H về nhà cha mẹ ở Đa Kai để sinh sống, còn chị L và con chung thì sống ở nhà cha mẹ ruột tại Tân Phú, Đồng Nai. Nay chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh H.

Về con chung: Chị L và anh H có với nhau 01 con chung tên Vũ Trúc Linh, sinh ngày 12/12/2020; sau khi ly hôn thì chị L yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị L không yều Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại đơn trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như chị L trình bày là đúng sự thật. Anh H cho rằng giữa anh và chị L không có mâu thuẫn gì lớn; anh H vẫn còn tình cảm đối với chị L và mong muốn Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau; anh H không đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh H và chị L có với nhau 01 con chung tên Vũ Trúc Linh, sinh ngày 12/12/2020; do anh H chưa muốn ly hôn chị L nên chưa có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H.

Về con chung: Giao con chung Vũ Trúc Linh, sinh ngày 12/12/2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ghi nhận ý kiến của chị L về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương L khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn anh Vũ Văn H; anh H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 7, xã Đa Kai, huyện ĐL, tỉnh BT.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện ĐL xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 26, do Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Tân Phú cấp vào ngày 15/5/2020, có căn cứ khẳng định chị L và anh H đã kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị L và anh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị L là do anh H không lo cho vợ con, đánh đập chị L và sử dụng ma túy, chị L xác định không thể tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh H được nữa; hiện tại chị L và anh H đã sống ly thân; trong thời gian sống ly thân, hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh H; anh H thì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L và không đồng ý ly hôn chị L; tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh H không có động thái nào để thuyết phục chị L rút đơn khởi kiện.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H.

[3.2] Về con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số 274, do Ủy ban nhân dân xã Đa Kai cấp ngày 21/12/2020, có cơ sở xác định cháu Vũ Trúc Linh, sinh ngày 12/12/20120 là con chung của chị Nguyễn Thị Hương L và anh Vũ Văn H.

Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh H chưa đồng ý ly hôn nên chưa đưa ra ý kiến về con chung. Nhận thấy, cháu Linh còn dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị L quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Linh. Anh H không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị L và không xem xét giải quyết trong bản án này.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Hương L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương L.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương L ly hôn anh Vũ Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26, do Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Tân Phú cấp vào ngày 15/5/2020, cấp cho chị Nguyễn Thị Hương L và anh Vũ Văn H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hương L quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Vũ Trúc Linh, sinh ngày 12/12/2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

4. Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn và bị đơn về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương L phải chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005425 ngày 28/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL, tỉnh BT. Chị Nguyễn Thị Hương L đã nộp đủ tiền án phí.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐL;
- Chi cục THADS huyện ĐL;
- UBND xã Đa Kai, xã Phú Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN